

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93 /QB-UBND

Điện Biên, ngày 18 tháng 01 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần
năm 2015 (tính đến hết ngày 31/12/2015)**

SỞ XÂY DỰNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 302.....

Ngày 20 Tháng 1 Năm 2016..

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2015 (tính đến hết ngày 31/12/2015).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC. *le*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lò Văn Tiến

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LỆT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
BAN HÀNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ HOẶC MỘT PHẦN NĂM 2015 (TÍNH ĐẾN HẾT NGÀY 31/12/2015)
Đính kèm theo Quyết định số: 93 /QĐ-UBND ngày 01/2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên



STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu, ngày tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/ Trích yếu nội dung văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Nghị quyết	Số 136/2008/NQ- HĐND ngày 15/9/2008	Về việc nâng mức tiền ăn cho lưu học sinh Lào tại tỉnh Điện Biên.	Được thay thế bằng Nghị quyết số 384/2015/NQ-HĐND ngày 10/11/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thông qua Đề án và chính sách hợp tác đào tạo giữa tỉnh Điện Biên với các tỉnh Bắc Lào, giai đoạn 2016-2020	20/11/2015
2	Nghị quyết	Số 164/2009/NQ- HĐND ngày 14/7/2009	Về việc điều chỉnh phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản.	Được thay thế bằng Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	18/7/2015
3	Nghị quyết	Số 176/2009/NQ- HĐND ngày 12/12/2009	Về việc thành lập Bảo vệ dân phố và chế độ, chính sách của bảo vệ dân phố.		
4	Nghị quyết	Số 189/2010/NQ- HĐND ngày 16/7/2010	Quy định chức danh, số lượng và chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố.		
5	Nghị quyết	Số 191/2010/NQ- HĐND ngày 16/7/2010	Thông qua quy định khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn của tỉnh Điện Biên.	Được thay thế bằng Nghị quyết số 389/2015/NQ-HĐND ngày 10/11/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Về quy định chính sách khuyến khích công trên địa bàn tỉnh Điện Biên	20/11/2015
6	Nghị quyết	Số 203/2010/NQ- HĐND ngày	Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn NSNN áp dụng cho thời kỳ	Được thay thế bằng Nghị quyết số 390/2015/NQ-HĐND ngày 10/11/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành nguyên tắc, tiêu chí và	20/11/2015

		12/12/2010	ôn định ngân sách 2011 – 2015 của tỉnh Điện Biên.	định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 tỉnh Điện Biên	
7	Nghị quyết	Số 240/2011/NQ-UBND ngày 25/7/2011	Quy định chế độ lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	Được thay thế bằng Nghị quyết số 396/2015/NQ-UBND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân; công tác tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Điện Biên	21/12/2015
8	Quyết định	Số 08/2009/QĐ-UBND ngày 27/7/2009	Về việc phê duyệt điều chỉnh mức phụ cấp cho nhân viên y tế thôn bản;	Được thay thế bằng Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	17/8/2015
9	Quyết định	Số 17/2009/QĐ-UBND ngày 02/12/2009	Chuyển giao việc chứng nhận các hợp đồng, giao dịch đối với bất động sản sang tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Bị bãi bỏ bởi Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 28/5/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc bãi bỏ Quyết định số 17/2009/QĐ-UBND ngày 2/12/2009 của UBND tỉnh.	28/5/2015
10	Quyết định	Số 22/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	Về việc thành lập bảo vệ dân phố và chế độ chính sách đối với bảo vệ dân phố.	Được thay thế bằng Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	17/8/2015
11	Quyết định	Số 10a/2010/QĐ-UBND ngày 29/7/2010	Về việc ban hành Quy định khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn tỉnh Điện Biên.	Được thay thế bằng Quyết định số 27/2015/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành quy định chính sách Khuyến công trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	13/12/2015
12	Quyết định	Số 12/2010/QĐ-UBND	Về việc giao số lượng cán bộ, công chức và quy định chức danh, số lượng, chế độ	Được thay thế bằng Quyết định số 10/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh	17/8/2015

		ngày 3/8/2010	phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, bản, tổ dân phố.	Điện Biên Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	03/11/2015
13	Quyết định	Số 23/2010/QĐ-UBND ngày 25/12/2010	Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn NSNN áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách 2011 – 2015 của tỉnh Điện Biên.	Được thay thế bằng Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2010 tỉnh Điện Biên.	
14	Quyết định	Số 01/2011/QĐ-UBND ngày 04/01/2011	Ban hành Quy chế quản lý hoạt động Báo cáo viên pháp luật, Tuyên truyền viên pháp luật cơ sở trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	1. Căn cứ pháp lý hết hiệu lực và được thay thế bằng văn bản mới, cụ thể: Thông tư số 18/2010/TT-BTP ngày 5/11/2010 của Bộ Tư pháp Quy định về Báo cáo viên pháp luật hết hiệu lực toàn bộ ngày 01/02/2014 bị thay thế bởi Thông tư 21/2013/TT-BTP Quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; 2. Nội dung không còn phù hợp với Thông tư 21/2013/TT-BTP Quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật; công nhận, cho thôi làm tuyên truyền pháp luật và một số biện pháp bảo đảm hoạt động của báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật.	01/01/2015
15	Quyết định	Số 02/2011/QĐ-UBND ngày 10/01/2011	Quy định về lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	Được thay thế bằng Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 19/10/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	29/10/2015

16	Quyết định	Số 15/2011/QĐ-UBND ngày 30/5/2011	Ban hành đơn giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về tài sản (nhà cửa, kiến trúc, cây trồng và vật nuôi) trên đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Được thay thế bằng Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng, cây trồng và vật nuôi trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	20/3/2015
17	Quyết định	Số 23/2011/QĐ-UBND ngày 22/8/2011	Quy định chế độ lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên	Được thay thế bằng Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định việc lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; công tác hoà giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	01/01/2016

B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản/ trích yếu nội dung của văn bản	Nội dung, quy định hết hiệu lực	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Nghị quyết	Số 246/2011/NQ-HĐND ngày 25/7/2011 của HĐND tỉnh Điện Biên Ban hành một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ.	Điều 2 Khoản 1 Điều 1	Được thay thế bằng Nghị quyết số 368/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	18/7/2015
2	Nghị quyết	Số 354/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định	1. Phụ lục I. Danh mục, mức thu các khoản phí - Điều chỉnh, bổ sung Phí đấu giá (SST 17); - Hủy bỏ SST 18. Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển,	Được điều chỉnh, bổ sung bằng Nghị quyết số 366/2015/NQ-HĐND ngày 08/7/2015 của Hội	18/7/2015

đánh mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Đối với cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc địa phương quản lý).
2. Phụ lục số II . Danh mục, mức thu các khoản lệ phí
- Điều chỉnh, bổ sung STT 1.1.1. Đăng ký hộ tịch tại UBND xã, phường, thị trấn.;
 - Điều chỉnh, bổ sung STT 1.1.3. (Nhận con ngoài giá thú) Đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, UBND tỉnh (Đối với trường hợp người nước ngoài đăng ký kết hôn với người Việt Nam, người nước ngoài xin trẻ em Việt Nam làm con nuôi).
 - Hủy bỏ SST 1.2.2. Mức thu đối với việc đăng ký và quản lý hộ khẩu tại các phường tại thành phố Điện Biên Phủ.
 - Điều chỉnh, bổ sung SST 1.3.3. Đối với việc cấp chứng minh nhân dân tại xã, thị trấn còn lại.
 - Hủy bỏ STT 2.3. Gia hạn giấy phép lao động.
 - Điều chỉnh, bổ sung STT 3. Lệ phí địa chính;
 - STT 6. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh:
 - + Hủy bỏ STT 6.1. Đối với hộ kinh doanh cá thể
 - + Điều chỉnh, bổ sung STT 6.2; STT 6.3; STT 6.4.
 - Điều chỉnh, bổ sung STT 15. Lệ phí trước bạ (Đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi, kể cả lái xe).
3. Phụ lục số III . Đối tượng nộp phí, lệ phí và đơn vị thu phí, lệ phí.
- Tại Phần A. đối với Phí

đồng nhân dân tỉnh Điện Biên điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên

<p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 19 Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (đổi với giao dịch địa phương thực hiện);</p> <p>- Tại Phần B. Đối với lệ phí</p> <p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 2. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;</p> <p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 13. Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực,</p> <p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 14. Lệ phí đăng kí giao dịch bảo đảm (đổi với giao dịch địa phương thực hiện).</p> <p>4. Phụ lục IV. Tỷ lệ phân chia tiền phí, lệ phí thu được.</p> <p>- Hủy bỏ STT 9. Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển, xét tuyển;</p> <p>- Điều chỉnh, bổ sung Lệ phí đăng kí quản lý hộ khẩu và Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.</p>	<p>Quyết định</p> <p>3</p>
<p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 19 Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (đổi với giao dịch địa phương thực hiện);</p> <p>- Tại Phần B. Đối với lệ phí</p> <p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 2. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;</p> <p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 13. Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực,</p> <p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 14. Lệ phí đăng kí giao dịch bảo đảm (đổi với giao dịch địa phương thực hiện).</p> <p>4. Phụ lục IV. Tỷ lệ phân chia tiền phí, lệ phí thu được.</p> <p>- Hủy bỏ STT 9. Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển, xét tuyển;</p> <p>- Điều chỉnh, bổ sung Lệ phí đăng kí quản lý hộ khẩu và Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.</p>	<p>Số 14/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt mức, thời gian hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên</p>
<p>Khoản 2 Điều 1</p>	<p>Bị bãi bỏ bởi Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 06/5/2015 của UBND tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung tại Quyết định số 14/2011/QĐ-UBND ngày 19/5/2011 của UBND tỉnh Điện Biên Phê duyệt mức, thời gian hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc, bảo vệ rừng, trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, sản xuất theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày</p>
<p>16/5/2015</p>	<p>16/5/2015</p>

				27/12/2008 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Điện Biên	
4	Quyết định	Số 25/2011/QĐ-UBND ngày 5/9/2011 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành một số chế độ chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ khi thực hiện nhiệm vụ;	Điểm 2 Khoản 3 Điều 1		
5	Quyết định	Số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Điện Biên Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	- Khoản 1 Điều 11; - Điều 24	Được sửa đổi, bổ sung bằng Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Điện Biên.	22/8/2015
6	Quyết định	Số 37/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên quy định danh mục, mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phân chia tiền thu phí, lệ phí; đối tượng nộp, đơn vị thu phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên	1. Phụ lục I. Danh mục, mức thu các khoản phí - Điều chỉnh, bổ sung Phí đầu giá (SST 17); - Hủy bỏ SST 18. Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển, xét tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp (Đối với cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc địa phương quản lý). 2. Phụ lục số II . Danh mục, mức thu các khoản lệ phí - Điều chỉnh, bổ sung SST 1.1.1. Đăng ký hộ tịch tại UBND xã, phường, thị trấn.; - Điều chỉnh, bổ sung SST 1.1.3. (Nhận con	Được điều chỉnh, bổ sung bằng Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 07/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định về phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Điện Biên	17/8/2015

	<p>ngoài giá thú) Đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, UBND tỉnh (Đối với trường hợp người nước ngoài đăng ký kết hôn với người Việt Nam, người nước ngoài xin trẻ em Việt Nam làm con nuôi).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hủy bỏ SST 1.2.2. Mức thu đối với việc đăng ký và quản lý hộ khẩu tại các phường tại thành phố Điện Biên Phủ. - Điều chỉnh, bổ sung SST 1.3.3. Đối với việc cấp chứng minh nhân dân tại xã, thị trấn còn lại. - Hủy bỏ SST 2.3. Gia hạn giấy phép lao động. - Điều chỉnh, bổ sung SST 3. Lệ phí địa chính; - SST 6. Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh: + Hủy bỏ SST 6.1. Đối với hộ kinh doanh cá thể + Điều chỉnh, bổ sung SST 6.2; SST 6.3; SST 6.4. - Điều chỉnh, bổ sung SST 15. Lệ phí trước bạ (Đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi, kể cả lái xe). <p>3. Phụ lục số III . Đối tượng nộp phí, lệ phí và đơn vị thu phí, lệ phí.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại Phần A. đối với Phí + Điều chỉnh, bổ sung SST 19 Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (đối với giao dịch địa phương thực hiện); - Tại Phần B. Đối với lệ phí + Điều chỉnh, bổ sung SST 2. Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam; + Điều chỉnh, bổ sung SST 13. Lệ phí cấp bản

		<p>sao, lệ phí chứng thực,</p> <p>+ Điều chỉnh, bổ sung STT 14. Lệ phí đăng kí giao dịch bảo đảm (đối với giao dịch địa phương thực hiện).</p> <p>4. Phụ lục IV. Tỷ lệ phân chia tiền phí, lệ phí thu được</p> <p>- Hủy bỏ STT 9. Phí dự thi, dự tuyển, sơ tuyển, xét tuyển;</p> <p>- Điều chỉnh, bổ sung Lệ phí đăng kí quản lý hộ khẩu và Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh.</p>		